

Bản án số: 209/2018/HS-PT
Ngày 13-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công.

Ông Hoàng Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 355/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Lý Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lý Văn T sinh năm 1988 tại tỉnh Sóc Trăng; đăng ký thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú tại: đường số Đ, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn V, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; có vợ là Lâm Thị Kim L và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo khác, 01 bị hại, 02 người làm chứng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lý Văn T, Trần Tấn T1 và Dương Hải L1 cùng anh Nguyễn Văn L2 là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 100% vốn nước ngoài, chuyên sản xuất các sản phẩm phục vụ sản xuất giày, dép từ hạt nhựa ABS (Sau

đây viết là Công ty). Bị cáo T nói với bị cáo Lê Minh H (tài xế xe tải chở hàng của Công ty có nhà gần Công ty) là T trộm hạt nhựa đưa ra ngoài tường rào cho bị cáo H đem bán thì bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo T nói bị cáo Nguyễn Văn H1 (bán cà phê đối diện Công ty) bán hạt nhựa do bị cáo T trộm đưa ra ngoài tường rào thì H1 đồng ý.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, T rủ bị cáo T1 cùng trộm hạt nhựa ABS của Công ty để bán thì bị cáo T1 đồng ý. Do bị cáo T1 không làm cùng ca đêm nên bị cáo T rủ bị cáo L1 (làm chung ca đêm) tham gia trộm hạt nhựa ABS thì bị cáo L1 đồng ý. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2016, bị cáo T bảo bị cáo L1 canh giới để bị cáo T trộm hạt nhựa ABS bỏ vào bao, điện thoại cho bị cáo H đến hông tường rào Công ty nhận 400kg hạt nhựa ABS do bị cáo T chuyển ra. Tiếp đó, bị cáo T lấy thêm 200kg hạt nhựa ABS, điện thoại gọi bị cáo H1 đến hông tường rào Công ty nhận 200kg hạt nhựa ABS do bị cáo T chuyển ra.

Bị cáo H dùng xe máy biển số G chở 400kg hạt nhựa đến vựa ve chai của anh Phạm Văn T2 bán được 4.693.000 đồng (Anh T2 đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch), chia cho T 2.600.000 đồng. Bị cáo H1 đem hạt nhựa ABS về quán cà phê của mình cất giấu, đến khoảng 14 giờ cùng ngày bán cho một người phụ nữ mua ve chai (không rõ lai lịch) được 4.600.000 đồng, chia cho bị cáo T 2.300.000 đồng. Bị cáo T được chia tổng cộng 4.900.000 đồng, đã chia lại cho bị cáo T1 600.000 đồng, chia cho bị cáo L1 200.000 đồng và đưa cho anh Nguyễn Văn L2 200.000 đồng để anh L2 không tố giác bị cáo T (anh L2 làm chung ca đêm với T và biết T trộm cắp hạt nhựa của Công ty).

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, Lãnh đạo Công ty thấy nhiều hạt nhựa ABS rơi cạnh hàng rào nên tiến hành kiểm tra kho chứa hàng, phát hiện bị mất khoảng 600kg hạt nhựa, kiểm tra camera ghi nhận bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp hạt nhựa. Ngày 04 tháng 5 năm 2016, đại diện Công ty trình báo sự việc với Công an xã I, huyện J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 79/2016 ngày 16 tháng 5 năm 2016, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện J kết luận 600kg hạt nhựa ABS bị chiếm đoạt có giá trị là 8.850.000 đồng.

Các bị cáo T, T1, L1, H và H1 tự thỏa thuận và đã bồi thường 22.200.000 đồng cho Công ty.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 12; Điều 20; Điều 45; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48; Điều 53; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với

các bị cáo Trần Tấn T1, Dương Hải L1, Lê Minh H, Nguyễn Văn H1 (Q), xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017, bị cáo Lý Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo vì các lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc loại hộ nghèo, bị cáo có cha già, mẹ già bị bệnh, con còn nhỏ, vợ mới mổ ruột thừa, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo của bị cáo như sau: Qua nghiên cứu hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã khởi xướng và thực hiện vụ trộm cắp 600kg hạt nhựa ABS của Công ty nơi bị cáo làm việc. Vì vậy, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới để cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không cho bị cáo được hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lý Văn T thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo đã cùng L1 trộm cắp hạt nhựa ABS của Công ty TNHH C1 đưa H và H1 bán. Bị cáo T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc loại hộ nghèo, có cha già, mẹ già bị bệnh, con còn nhỏ, vợ đang có thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận: Sau khi nhờ bị cáo L1 cảnh giới, bị cáo T đã lấy trộm tổng cộng 600kg hạt nhựa ABS của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 để các bị cáo H và H1 bán lấy tiền chia nhau. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, 600kg hạt nhựa ABS bị chiếm đoạt có giá trị là 8.850.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lý Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định.

[2] Bị cáo T rủ các bị cáo T1, L1, H và H1 cùng thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm quy định tại Điều 20 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ là chính xác. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm lại xác định các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là không đúng. Nếu các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ với nhau thì phải kết luận là phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung

“có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do các bị cáo T1, L1, H và H1 đã được hưởng án treo, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo T.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty nơi các bị cáo làm việc, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi cân nhắc các tình tiết liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo T, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 03 năm tù, chỉ phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân nhân bị cáo.

[4] Các lý do bị cáo T trình bày: hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc loại hộ nghèo, có cha già, mẹ già bị bệnh, con nhỏ, vợ đang có thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình không đủ làm cơ sở cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo T là người khởi xướng, giữ vai trò chính trong vụ án nên việc áp dụng án treo cho bị cáo sẽ không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không đủ sức răn đe, giáo dục và ảnh hưởng không tốt đến việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Vì vậy, mặc dù không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho bị cáo T được hưởng án treo như đơn kháng cáo của bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 12; Điều 20; Điều 45; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Lý Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo) (2);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, LĐHQ, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh